

SÁNG TẠO - HÌNH THỨC HOẠT ĐỘNG TỐI ƯU CỦA CON NGƯỜI

• PGS. TS ĐÀO THỊ OANH

Trường Đại học Sư phạm Hà Nội

Mặc dù chưa phải là một vấn đề nghiên cứu chủ yếu nhất trong tâm lí học, nhưng tính sáng tạo đã thực sự được quan tâm nhiều hơn kể từ những năm 50 của thế kỉ 20. Các tài liệu về tính sáng tạo rất đa dạng, phong phú và tập trung vào 4 khía cạnh sau:

1. Các quá trình nhận thức bao hàm trong hoạt động sáng tạo

Với sự tiến bộ của khoa học nhận thức đương đại, tâm lí học cho rằng trong hành động sáng tạo phải có sự tham gia của các quá trình trí tuệ. Có 4 lĩnh vực nghiên cứu liên quan đến điều này là: giải quyết vấn đề một cách sâu sắc, nhận thức sáng tạo, lĩnh hội kinh nghiệm và dựa theo các mô hình máy tính.

Các nhà tâm lí học Ghextan là những người đầu tiên đã nghiên cứu tính sáng tạo thông qua quá trình tư duy "bùng nổ". Còn những nhà tâm lí học nhận thức đã xây dựng và phát triển các phương pháp tiếp cận thực nghiệm và các mô hình lí thuyết. Bằng cách điều khiển các kích thích, đánh giá trạng thái tinh cảm của nhận thức, sử dụng kĩ thuật phân tích biên bản và áp dụng một loạt các kĩ thuật khác nhau, các nhà tâm lí học hiểu rõ hơn về tư duy sáng tạo (theo nghĩa bùng nổ) diễn ra theo một quá trình đã được ấp ủ.

Các thực nghiệm trong phòng thí nghiệm cho phép hiểu rõ quá trình nhận thức bùng nổ ở con người. Đặc biệt phổ biến là các nghiên cứu thực nghiệm chỉ rõ làm thế nào mà các hình ảnh thị giác có thể tác động làm nảy sinh những ý tưởng bùng nổ ở con người. Một số tác giả khác lại sử dụng một cách tiếp cận nghiên cứu khác để nghiên cứu tính sáng tạo như việc sử dụng những vấn đề có kết thúc mở mà yêu cầu tính sáng tạo đặc biệt cao, qua đó xem xét những vấn đề có những giải pháp xác định (ngược lại với nghiên cứu thực nghiệm). Mặc dù có nhiều cách tiếp cận nghiên cứu khác nhau, song tất cả đều muốn đưa ra một thông điệp chung rằng: hoạt động tối ưu của cá nhân thể hiện ở tính sáng tạo có bao hàm

các quá trình nhận thức thông thường và vì thế, tư duy sáng tạo là cái có thể có ở hầu hết mọi người chúng ta.

Các nghiên cứu về tính sáng tạo gần đây nhấn mạnh nhiều đến sự tích lũy kinh nghiệm của cá nhân. Chẳng hạn, những cá nhân hoạt động trong lĩnh vực thể thao đỉnh cao, cờ vua hay âm nhạc thường phải có hàng chục năm luyện tập trước khi có thể tham gia vào một cuộc thi đẳng cấp quốc tế. Rõ ràng là, đối với từng lĩnh vực nhất định, sự sáng tạo đòi hỏi một mức độ tương đương nhau của sự luyện tập và thực hành một cách hệ thống, thường xuyên. Thậm chí ngay cả thiên tài sáng tạo cũng không thể bỏ qua giai đoạn học tập (Simonton, Hayes). Các nhà sáng tạo đưa ra được những ý tưởng mới về cái mới là do các ý tưởng đó được nảy sinh từ rất nhiều kĩ năng đã được phát triển tốt và một khối lượng kiến thức phong phú thuộc lĩnh vực đó. Vậy là, tương tự như cách tiếp cận nhận thức sáng tạo, quan niệm này cho thấy bất cứ ai cũng có thể có được hình thức hoạt động tối ưu này.

Sự phát triển gần đây mang lại những hứa hẹn to lớn cho việc nghiên cứu tính sáng tạo, đó là việc tăng cường sử dụng máy tính để kiểm tra các mô hình nhận thức của quá trình sáng tạo. Chẳng hạn, lí thuyết kinh điển của Newell và Simon về việc giải quyết vấn đề con người đã làm xuất hiện nhiều "Chương trình khám phá" nhằm phát hiện ra những quy luật và nguyên tắc từ các tư liệu thực tiễn, kinh nghiệm thường ngày cùng sử dụng cứ liệu thô để đưa ra những phát hiện như nhau. Hoặc một số các chương trình máy tính khác, trong khi cố gắng tái tạo lại hành động sáng tạo trong nghệ thuật, văn học và âm nhạc, thì đôi lúc đã có được những thành công tuyệt vời. Mặc dù lúc đầu các chương trình đó đã được thiết kế để giải quyết các vấn đề thực tiễn, song dần dần chúng ngày càng trở nên phát triển về số lượng, do đó có thể cung cấp những mô hình lí thuyết có giá trị trong việc làm rõ quá trình sáng tạo vận hành trong tư duy con người như thế nào.

Về lâu dài, khi việc sử dụng các mô hình máy tính trở nên thuyết phục hơn, các nhà tâm lý học sẽ hiểu rõ hơn tiềm năng sáng tạo của con người sẽ được phát triển tốt nhất như thế nào.

2. Các thuộc tính nổi bật của một nhân cách sáng tạo

Từ lâu, các nhà tâm lý học đã quan tâm đến những thuộc tính cá nhân cho phép một số người có khả năng sáng tạo cao hơn những người khác. Trong các tài liệu kinh điển và hiện đại, có thể thấy 2 tiêu đề chủ yếu là: trí tuệ và nhân cách.

Nhiều nhà nghiên cứu đã quan tâm tới những lĩnh vực mà sự sáng tạo đòi hỏi trí tuệ cao. Khi sử dụng thành tích trong các trắc nghiệm IQ chuẩn như một tiêu chuẩn đánh giá khả năng trí tuệ, nghiên cứu ban đầu đã cho thấy rằng tính sáng tạo đòi hỏi một trình độ trí tuệ nhất định để thể hiện, giữa trí thông minh và hành động sáng tạo có một mối liên hệ tối thiểu (Barron & Harrington). Điều quan trọng là cách hiểu đơn giản, hơi hợt, một chiều về trí thông minh đã được chuyển sang một quan niệm phức hợp hơn, sâu sắc hơn và đa chiều hơn. Đó là các quan niệm về mô hình cấu trúc trí tuệ của Guilford (1967), lý thuyết ba thành tố của trí tuệ do Sternberg đề xuất (1985) và lý thuyết đa trí tuệ của Gardner (1983). Đặc biệt, lý thuyết của Gardner đã lan rộng bởi nó bao gồm các năng lực mà bản thân chúng không phải là một phần của chuỗi của các trắc nghiệm đo đạc tâm lý (trí thông minh âm nhạc, trí thông minh vận động cơ thể, trí thông minh liên nhân cách...). Hơn nữa, mỗi loại trí thông minh lại kết hợp với một biểu hiện riêng của tính sáng tạo như hội họa, biểu diễn hay tâm lý (Gardner 1993).

Có một điều đã được thừa nhận từ lâu là: tính sáng tạo là một hiện tượng mang tính thiên hướng hơn là một hiện tượng trí tuệ. Những nghiên cứu nhân cách trong thời gian gần đây đã đưa ra bức diện của một nhân cách sáng tạo. Đó là những người có tính độc lập, không thỏa hiệp, độc đáo, thậm chí tự do phóng túng, có những mối quan tâm phong phú, cởi mở trước những trải nghiệm mới, linh hoạt trong nhận thức và hành vi, dám mạo hiểm. Các nghiên cứu cũng đóng góp vào cuộc tranh luận đã được nêu ra từ lâu nay về những người điên - thiên tài. Ngày nay, có đủ bằng chứng cho thấy tính sáng tạo thường kết hợp với một số lượng nhất định bệnh

tâm thần (Eysenck, Jamison, Lugwig). Nhưng, sự kết hợp này không đồng nghĩa với điều rằng những người sáng tạo cần phải chịu đựng những rối loạn tâm thần.

3. Sự phát triển và biểu hiện của tính sáng tạo trong quá trình sống của một cá nhân

Sáng tạo không chỉ là một thuộc tính nhận thức và thiên hướng mà ở đó một số cá nhân này có thể khác với một số cá nhân khác, nó còn là một hoạt động làm cá nhân phát triển hơn trong suốt cuộc đời của bản thân mình. Các nhà nghiên cứu về Tâm lý học phát triển của tính sáng tạo đã tập trung vào hai khía cạnh của sự biến đổi theo chiều dọc. Trước hết, họ đã nghiên cứu xem những trải nghiệm tuổi thơ nào xuất hiện ở tuổi thơ và tuổi thiếu niên kết hợp với sự phát triển của tiềm năng sáng tạo, sau đó các nghiên cứu cũng xem xét kỹ lưỡng tiềm năng đó được hiện thực hóa trong giai đoạn tuổi trung niên và trong những năm cuối đời của nhà sáng tạo như thế nào. Nhiều nghiên cứu tập trung vào sự phát triển của những cá nhân đã đạt được những thành tích sáng tạo nổi bật.

Vấn đề nhận được sự quan tâm nhiều nhất là mối quan hệ giữa tính sáng tạo và lứa tuổi (Simonton). Đôi khi vấn đề này được đề cập đến bằng cách đánh giá xem thành tích của các phép đo tâm lý thay đổi như thế nào trong cuộc đời một người trưởng thành (McCrae, Arenberg & Costa), nhưng phương pháp tiếp cận chung hơn đó là đánh giá xem đầu ra của sản phẩm sáng tạo thay đổi như thế nào với tư cách là một chức năng của lứa tuổi (Lehman, Lindauer). Bởi vì nghiên cứu này đã tìm thấy một cách chắc chắn rằng tính sáng tạo có dạng một đường cong theo lứa tuổi, nên có thể rút ra kết luận rằng những cá nhân lứa tuổi cao hơn có thể không còn sáng tạo. Tuy nhiên các tài liệu lý luận và thực tiễn cho thấy rằng một kết luận bi quan như vậy là không đúng đắn (Csikszentmihalyi, Dennis, Simonton). Có nhiều yếu tố tác động có thể giúp duy trì kết quả sáng tạo trong suốt cuộc đời cá nhân. Quả thực, các nhà sáng tạo hoàn toàn có thể phục hồi tính sáng tạo của mình về mặt số lượng cũng như chất lượng trong những năm cuối đời họ (Lindauer). Với những phát hiện này, bức tranh sáng tạo trong những năm cuối đời của cá nhân sẽ lạc quan hơn.

4. Môi trường xã hội có ảnh hưởng nhiều

nhất đến hoạt động sáng tạo

Sáng tạo đã được nhìn nhận như một quá trình diễn ra trong tư duy của một cá nhân với những đặc điểm nhân cách tương ứng và những trải nghiệm phát triển. Tuy vậy, bắt đầu vào cuối những năm 70 của thế kỉ 20, nhiều nhà tâm lí học đã nhận thức được rằng sự sáng tạo diễn ra trong một hoàn cảnh xã hội xác định (Harrington 1990). Quả vậy, vào những năm 80 của thế kỉ trước, một chuyên ngành Tâm lí học xã hội thực sự về sáng tạo đã xuất hiện để hỗ trợ cho các cách tiếp cận nhận thức, cá nhân và phát triển (Amabile).

Phần lớn các nhà sáng tạo không làm việc tách biệt khỏi những người khác song đúng là sự sáng tạo của họ diễn ra trong sự rèn luyện đặc biệt mang tính trí tuệ, khoa học hay nghệ thuật. Chẳng hạn, khi xem xét tính sáng tạo, Csikszentmihalyi (1990) cho rằng nó đòi hỏi có sự tương tác lẫn nhau giữa 3 tiểu hệ thống là: bản thân cá nhân, lĩnh vực hoạt động của cá nhân và những người khác cùng hoạt động trong lĩnh vực đó (đồng nghiệp). Những đồng nghiệp này về cơ bản là thực hiện sự sáng tạo một cách cá nhân, nhưng họ có vai trò rất lớn bởi sẽ không có tính sáng tạo cho đến khi những người hoạt động trong lĩnh vực đó quyết định thừa nhận một sản phẩm là sáng tạo do có một đóng góp độc đáo cho lĩnh vực hoạt động đó.

Ngoài lĩnh vực tương tác liên nhân cách và tương tác trong lĩnh vực chuyên môn còn có môi trường bên ngoài rộng lớn hơn. Các nhà xã hội học và nhân chủng học từ lâu đã chứng minh rằng phần lớn tính sáng tạo là một hiện tượng văn hóa xã hội (Kroeber), song mới chỉ khoảng 2 thập kỉ gần đây các nhà tâm lí học mới bắt đầu phân tích tỉ mỉ phạm vi mà các thành tố sáng tạo phụ thuộc vào. Chẳng hạn như môi trường chính trị - xã hội và môi trường văn hoá chung tại nơi cá nhân sống và hoạt động.

5. Sáng tạo - Hình thức hoạt động tối ưu của con người

Ngày nay, nghiên cứu tính sáng tạo được mở rộng hơn và được đa dạng hóa, đã đến lúc các lí thuyết khoa học sẽ chứng tỏ được tính ứng dụng của mình thể hiện ở sự thúc đẩy sự sáng tạo ngay trong cuộc sống hàng ngày. Theo quan điểm nhân văn, tính sáng tạo được xem xét ở mức độ cá nhân nhiều hơn và nó được xem như một dấu hiệu của sức khoẻ tâm thần và của

trạng thái xúc cảm tích cực. Vì thế sáng tạo là một trong những cách thức đặc biệt nhất giúp con người có thể đạt được sự hoạt động tối ưu, cũng tức là có được trạng thái tinh thần tích cực tối đa. Và, hơn bao giờ hết, mọi người sẽ bộc lộ được hoạt động tối ưu của mình thông qua sự sáng tạo.

Theo hướng này, gần đây, một số nhà tâm lí học Mỹ (Howard Gardner, John H. & Elisabeth A.Hobbs, Mihaly Csikszentmihalyi, William Damon) đã nghiên cứu phát triển một mô hình của những chuyên gia (những người thực hành nghề nghiệp nói chung) có mong muốn cân bằng các giá trị như thành tích cá nhân, tính sáng tạo và tinh thần trách nhiệm đối với lợi ích chung. Các nhà nghiên cứu này cố gắng xác định những cách thức mà các chuyên gia có thể duy trì sự thật đối với các mục tiêu và các giá trị của họ trong một thời gian nào đó khi mà xã hội đòi hỏi họ phải chiến thắng với bất cứ giá nào (bằng mọi giá) hoặc phải mang đến lợi nhuận hết sức to lớn. Vấn đề mà các tác giả quan tâm là nguồn gốc của tính sáng tạo (hay của cái mà Gardner gọi là "lao động tốt") trong một số lĩnh vực như báo chí, khoa học, luật học.

Theo Gardner, trong xã hội ngày nay, để sống đúng với tất cả các trách nhiệm mà mỗi cá nhân phải gánh vác, có thể sẽ là một khó khăn, thách thức lớn. Nếu chúng ta nhìn vào các lĩnh vực khác nhau của lao động ngày nay, chúng ta sẽ hiểu mọi người bị lôi kéo theo các hướng khác nhau như thế nào. Nếu bạn làm việc trong ngành Y, bạn có lời thề Hypocrate; nếu bạn làm việc trong ngành xuất bản, thì nghĩa vụ của bạn là phải ấn hành những ấn phẩm nói lên sự thật mà nhiều khi nó đi ngược lại với điều cần thiết tối thiểu của bạn, thậm chí đến mức hoặc bạn sẽ từ bỏ kinh doanh hoặc bạn sẽ phải trả giá. Gardner cùng với các nhà nghiên cứu đã xem xét những người có tài hoặc khéo léo đã đương đầu như thế nào với những mâu thuẫn đó từ tuổi thơ cho đến khi về hưu. Và họ đặc biệt quan tâm tới những người đã tìm thấy cho mình một vị trí thích hợp hay một lĩnh vực mới mà nó cho phép họ tôn trọng triệt để những giá trị cá nhân mà họ đang bị buộc phải từ bỏ chúng. Chẳng hạn, các nhà nghiên cứu đang xem xét những phóng viên tào bạo đã trả lời như thế nào khi tờ báo của họ quyết định cắt đi một bài phóng sự điều tra của

(Xem tiếp trang 24)